

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 3338 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 17 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ
tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/6/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP; Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ tiếp tục sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 25/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 65/2025/TT-BCT ngày 31/12/2025 của Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 158/TTr-SCT ngày 29/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2035.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Trung tâm Khuyến công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CT-XD. *vt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Tiến



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2035
(Kèm theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 của UBND tỉnh)

I. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Quan điểm

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ phải gắn với định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh, phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 và chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia, bảo đảm đồng bộ giữa phát triển ngành, không gian công nghiệp và kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

- Xác định vai trò hạt nhân của doanh nghiệp làm trung tâm của quá trình phát triển công nghiệp hỗ trợ; các cơ quan quản lý nhà nước tạo môi trường thuận lợi, định hướng và hỗ trợ thông qua hoàn thiện cơ chế, chính sách; đầu tư hạ tầng thiết yếu, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao khả năng tiếp cận nguồn lực cho doanh nghiệp.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp có lợi thế và định hướng phát triển của tỉnh; tập trung hình thành chuỗi liên kết sản xuất, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, gia tăng giá trị sản phẩm và từng bước tham gia sâu vào chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ gắn với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn và mục tiêu giảm phát thải carbon; khuyến khích đổi mới công nghệ, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, áp dụng các tiêu chuẩn về chất lượng, môi trường, từng bước hình thành mô hình sản xuất thông minh, bền vững và nâng cao năng lực tham gia chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

- Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công tác giải phóng mặt bằng, hệ thống xử lý nước thải, hạ tầng giao thông kết nối và quỹ đất công nghiệp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, mở rộng sản xuất và tham gia chuỗi cung ứng.

- Khuyến khích huy động tối đa các nguồn lực xã hội cho phát triển công nghiệp hỗ trợ; tăng cường hợp tác công – tư, liên kết doanh nghiệp và thu hút đầu tư trong nước, ngoài nước nhằm tạo động lực phát triển bền vững cho ngành công nghiệp của tỉnh.

2. Định hướng phát triển

2.1. Định hướng không gian phát triển

Không gian phát triển công nghiệp hỗ trợ của tỉnh Quảng Trị được tổ chức

theo hướng tập trung, phù hợp với Quy hoạch tỉnh, gắn với hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các tuyến giao thông trọng điểm và lợi thế của từng địa phương. Ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ tại các khu, cụm công nghiệp đã được đầu tư hạ tầng; phát huy vai trò của hệ thống khu, cụm công nghiệp trong thu hút các dự án sản xuất nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật phục vụ các ngành công nghiệp ưu tiên của tỉnh, từng bước hình thành các chuỗi liên kết sản xuất và đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước, khu vực; đồng thời di dời các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, công nghệ lạc hậu và không bảo đảm yêu cầu về môi trường vào khu, cụm công nghiệp tập trung.

Việc tổ chức không gian phát triển nhằm khai thác hiệu quả hạ tầng hiện có, tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp, hình thành chuỗi cung ứng và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp hỗ trợ.

a. Vùng động lực trung tâm gắn với Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, Khu công nghiệp Quảng Trị và dải ven biển

Vùng động lực trung tâm gắn với Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, Khu công nghiệp Quảng Trị, các khu công nghiệp ven biển, hệ thống cảng biển và trung tâm logistics được xác định là vùng động lực phát triển công nghiệp hỗ trợ của tỉnh. Ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành năng lượng, cơ khí chế tạo, chế biến khoáng sản, công nghiệp phục vụ kinh tế biển, dịch vụ kỹ thuật cảng biển và logistics; đồng thời tập trung thu hút các dự án FDI quy mô lớn, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực sản xuất linh kiện, phụ tùng, thiết bị và các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có giá trị gia tăng cao, tạo hạt nhân dẫn dắt, lan tỏa công nghệ, thúc đẩy liên kết với doanh nghiệp địa phương và từng bước hình thành chuỗi cung ứng công nghiệp hỗ trợ. Tăng cường kết nối với các trung tâm công nghiệp trong vùng Bắc Trung Bộ nhằm mở rộng thị trường, nâng cao năng lực liên kết và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

b. Vùng công nghiệp phía Nam gắn với Vĩnh Linh - Bến Quan - Vĩnh Hoàng - Cửa Tùng

Vùng công nghiệp phía Nam được định hướng phát triển gắn với tuyến cao tốc Bắc - Nam, Hành lang kinh tế Đông - Tây và Hành lang đường ven biển gắn với cảng chuyên dụng Vĩnh Mốc phát huy vai trò cửa ngõ kết nối Hành lang kinh tế Đông - Tây và các tuyến giao thông quốc gia. Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ cho ngành chế biến nông, lâm sản trên cơ sở khai thác hiệu quả các vùng nguyên liệu như gỗ, cao su và sắn; đồng thời phát triển sản xuất phụ liệu, bao bì, nhãn mác phục vụ ngành dệt may, tăng cường liên kết với các trung tâm sản xuất trong khu vực.

c. Vùng công nghiệp trung du và vành đai phía Bắc (Hoàn Lão, Kim Phú, Đồng Hới, Đồng Thuận, Lệ Ninh)

Khu vực trung du và vành đai phía Bắc được định hướng từng bước nâng cấp, chuyển đổi các cụm công nghiệp hiện có theo hướng chuyên ngành, thân thiện với môi trường và phát triển công nghiệp hỗ trợ. Ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất vật liệu xây dựng;

cơ khí phục vụ sản xuất và xây dựng; từng bước phát triển các cụm công nghiệp chuyên ngành, thân thiện môi trường. Đồng thời, bố trí quỹ đất để di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp tập trung; khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường liên kết, hợp tác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và sử dụng hạ tầng.

d. Định hướng liên kết không gian phát triển khu vực

Tăng cường liên kết phát triển giữa Quảng Trị với các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và trên Hành lang kinh tế Đông - Tây nhằm mở rộng thị trường, thu hút đầu tư và tạo điều kiện để doanh nghiệp trong tỉnh tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế. Đồng thời, thúc đẩy liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và đổi mới sáng tạo; tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước nhằm phát triển chuỗi cung ứng công nghiệp hỗ trợ.

2.2. Định hướng phát triển theo ngành và lĩnh vực ưu tiên

a. Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí chế tạo

Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí chế tạo theo hướng nâng cao năng lực sản xuất, gia công và chế tạo các sản phẩm cơ khí phục vụ nhu cầu của tỉnh và khu vực. Ưu tiên đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng gia công cơ khí chính xác, từng bước sản xuất các thiết bị, linh kiện, phụ tùng máy móc phục vụ chế biến gỗ, tinh bột sắn, cao su và cơ giới hóa nông nghiệp. Đồng thời, phát triển sản xuất cấu kiện kết cấu thép, chi tiết kim loại đúc và các sản phẩm cơ khí, cấu kiện và thiết bị phục vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật, góp phần đáp ứng nhu cầu đầu tư xây dựng trên địa bàn.

b. Công nghiệp hỗ trợ ngành năng lượng

Tận dụng lợi thế phát triển các dự án năng lượng để thu hút đầu tư vào sản xuất linh kiện, phụ tùng và thiết bị phục vụ các dự án điện gió, điện mặt trời, điện khí và hệ thống truyền tải điện. Khuyến khích phát triển các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu như vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị và cung ứng vật tư phục vụ ngành năng lượng, từng bước hình thành mạng lưới doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu của các dự án trong tỉnh và khu vực.

c. Công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may

Tập trung phát triển sản xuất nguyên phụ liệu phục vụ ngành dệt may như bao bì, nhãn mác, chỉ may, cúc, khóa kéo và các phụ kiện khác nhằm nâng cao tỷ lệ cung ứng trong tỉnh, giảm phụ thuộc vào nguồn nhập từ ngoài địa phương. Khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sạch, sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường và quy trình sản xuất tiết kiệm tài nguyên, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của ngành dệt may.

d. Công nghiệp hỗ trợ phục vụ chế biến sâu và logistics

Ưu tiên phát triển các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành chế biến nông, lâm, thủy sản, chú trọng chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, chế biến

khoáng sản và chuỗi logistics; phát triển bao bì, vật liệu đóng gói, pallet gỗ, vật tư, linh kiện, phụ tùng phục vụ lắp ráp, bảo trì máy móc, phương tiện sản xuất, bảo quản, bốc xếp và vận chuyển. Khuyến khích phát triển các linh kiện, phụ tùng và vật liệu phục vụ chuỗi logistics lạnh, hệ thống cấp đông, vật liệu cách nhiệt và các vật tư bảo quản sau thu hoạch, đáp ứng yêu cầu của chuỗi cung ứng, góp phần nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của các ngành chế biến, xuất khẩu trên địa bàn tỉnh.

e. Công nghiệp hỗ trợ ngành xây dựng và giao thông

Ưu tiên phát triển các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ lĩnh vực xây dựng và giao thông, nhất là vật liệu, cấu kiện, kết cấu thép, thiết bị và phụ kiện phục vụ các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng giao thông. Khuyến khích doanh nghiệp trong tỉnh đầu tư sản xuất các sản phẩm có yêu cầu kỹ thuật cao, từng bước nâng cao tỷ lệ cung ứng trong tỉnh, giảm chi phí vận chuyển và tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

3. Mục tiêu phát triển

3.1. Mục tiêu chung

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Trị theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, trở thành động lực nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp địa phương; từng bước làm chủ một số công đoạn sản xuất nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng và dịch vụ kỹ thuật phục vụ các ngành công nghiệp ưu tiên của tỉnh, góp phần gia tăng giá trị sản xuất trong nước và giảm phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài.

- Hình thành hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ gắn với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các trung tâm logistics; thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp trong tỉnh với doanh nghiệp ngoài tỉnh, các tập đoàn sản xuất lớn, từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng trong nước và xuất khẩu.

- Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp có lợi thế và định hướng phát triển của tỉnh, từng bước nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và năng lực tham gia chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

- Thúc đẩy đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường và yêu cầu của chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế; từng bước hình thành đội ngũ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có năng lực cạnh tranh và khả năng phát triển bền vững.

- Phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất; xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đồng bộ, tạo nền tảng cho hoạt động xúc tiến đầu tư, kết nối cung cầu và phát triển thị trường.

3.2. Mục tiêu cụ thể

a. Đến năm 2030

- Mục tiêu phát triển ngành

+ Tập trung xây dựng nền tảng phát triển công nghiệp hỗ trợ của tỉnh; ưu tiên phát triển các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp có lợi thế và định hướng phát triển của tỉnh như chế biến, chế tạo, năng lượng, dệt may, vật liệu xây dựng và logistics. Từng bước hình thành các chuỗi liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp trong tỉnh với doanh nghiệp đầu chuỗi, đáp ứng nhu cầu sản xuất trên địa bàn và khu vực Bắc Trung Bộ.

+ Hình thành mạng lưới doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có khả năng cung ứng nguyên liệu, phụ liệu, linh kiện, chi tiết cơ khí, kết cấu thép, dịch vụ kỹ thuật và bảo trì cho các dự án công nghiệp, năng lượng và hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

+ Phân đầu đạt tỷ lệ nội địa hóa: ngành dệt may khoảng 50-55%; ngành cơ khí chế tạo phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến và xây dựng đạt khoảng 30%. Từng bước hình thành các doanh nghiệp sản xuất phụ kiện, cấu kiện, thiết bị phụ trợ và dịch vụ kỹ thuật phục vụ các dự án điện gió, điện khí, điện mặt trời, thủy điện và các dự án năng lượng trên địa bàn.

- Mục tiêu phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ

+ Hoàn thành điều tra, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu số về doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của tỉnh, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia.

+ Hỗ trợ 20-25 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản trị sản xuất tiên tiến, tiêu chuẩn chất lượng và các công cụ cải tiến năng suất.

+ Hỗ trợ 5-7 doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, chuyển giao công nghệ hoặc sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

+ Hỗ trợ 30-40 lượt doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, quản trị sản xuất và quản trị chuỗi cung ứng.

+ Có 15-20 doanh nghiệp có khả năng trở thành nhà cung ứng trực tiếp hoặc gián tiếp cho các doanh nghiệp lớn trong và ngoài tỉnh.

b. Đến năm 2035

- Mục tiêu phát triển ngành

+ Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ của tỉnh theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại, xanh và bền vững, từng bước đưa ngành công nghiệp hỗ trợ của tỉnh trở thành ngành có năng lực cạnh tranh trong khu vực Bắc Trung Bộ. Mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và khả năng cung ứng sản phẩm, linh kiện, phụ tùng, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật cho các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, logistics và xây dựng; tham gia sâu vào chuỗi cung ứng trong nước và từng bước tham gia chuỗi giá trị khu vực.

+ Hình thành chuỗi liên kết sản xuất tương đối hoàn chỉnh giữa doanh nghiệp trong tỉnh với doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp đầu chuỗi; phát triển các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có khả năng dẫn dắt, lan tỏa công nghệ và mở rộng thị trường ngoài tỉnh.

+ Tăng cường liên kết với các trung tâm công nghiệp trong vùng Bắc Trung Bộ và trên Hành lang kinh tế Đông - Tây nhằm mở rộng thị trường, thu hút đầu tư và nâng cao năng lực tham gia chuỗi cung ứng.

+ Phân đầu đạt tỷ lệ nội địa hóa: Ngành dệt may đạt 60-65%; Ngành cơ khí chế tạo đạt khoảng 40%. Đồng thời hình thành chuỗi doanh nghiệp cung ứng dịch vụ kỹ thuật, bảo trì, sửa chữa và sản xuất một số cấu kiện, thiết bị phụ trợ cho các dự án năng lượng quy mô lớn trên địa bàn.

- Mục tiêu phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ

+ Hỗ trợ 40-50 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản trị tiên tiến, chuyển đổi số và sản xuất thông minh.

+ Hỗ trợ 10-12 doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ xanh và sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có giá trị gia tăng cao.

+ Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho 60-80 lượt doanh nghiệp.

+ Thu hút hình thành 01-02 dự án công nghiệp hỗ trợ quy mô lớn gắn với các ngành năng lượng, cơ khí hoặc chế biến.

+ Xây dựng và vận hành hiệu quả đầu mối hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ cấp tỉnh (hoặc tích hợp tại Trung tâm Khuyến công tỉnh Quảng Trị), thực hiện tư vấn, kết nối cung cầu và hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp.

4. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Chương trình áp dụng đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đang sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung; và các doanh nghiệp có tiềm năng trở thành nhà cung ứng linh kiện, phụ tùng, nguyên vật liệu, dịch vụ kỹ thuật cho các ngành công nghiệp trên địa bàn.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận chính sách, chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ

- Tập trung triển khai hiệu quả các chính sách của Trung ương về phát triển công nghiệp hỗ trợ; hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục xác nhận ưu đãi đối với các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, Nghị định số 205/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của địa phương nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, khuyến công, đổi mới công nghệ và đầu tư mở rộng sản xuất; ưu tiên các dự án công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực dệt may, cơ khí chế tạo, chế biến nông - lâm - thủy sản và vật

liệu xây dựng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách; nâng cao năng lực tiếp cận thông tin và khả năng xây dựng dự án của doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn.

2. Xúc tiến đầu tư, kết nối cung cầu và mở rộng thị trường tiêu thụ

- Định kỳ tổ chức các hội nghị, diễn đàn kết nối cung cầu, kết nối giao thương (B2B) giữa doanh nghiệp trong tỉnh với doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp lắp ráp, doanh nghiệp đầu chuỗi và các tổ chức xúc tiến thương mại trong và ngoài nước. Đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, xúc tiến thương mại, hỗ trợ quảng bá sản phẩm nhằm tạo cơ hội cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở sản xuất địa phương kết nối cung cầu, tìm kiếm đối tác để mở rộng thị trường tiêu thụ và tham gia chuỗi giá trị.

- Tăng cường xúc tiến, thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm; ưu tiên thu hút các dự án FDI có công nghệ phù hợp, quy mô hợp lý và có khả năng lan tỏa chuỗi cung ứng vào các vùng trọng điểm phát triển công nghiệp như: Khu kinh tế Đông Nam, Khu công nghiệp Quảng Trị, Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá, Khu công nghiệp Bồ Trách,...

- Khuyến khích doanh nghiệp tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA) để mở rộng thị trường xuất khẩu; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm, kết nối giao thương và quảng bá sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Tăng cường liên kết vùng với các trung tâm công nghiệp lớn tại miền Trung nhằm hình thành mạng lưới cung ứng sản phẩm và dịch vụ công nghiệp hỗ trợ.

- Đồng thời, đối với hệ thống cụm công nghiệp trên địa bàn ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp hỗ trợ quy mô vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực cơ khí, chế biến nông sản nhằm lấp đầy diện tích, định hướng hình thành các chuỗi liên kết sản xuất vệ tinh cho các doanh nghiệp lớn.

3. Nâng cao năng lực công nghệ, quản trị, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật cao.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đầu tư máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất tiên tiến, đặc biệt ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng công nghệ xanh, sử dụng máy móc có hiệu suất năng lượng cao, từng bước thay thế thiết bị cũ tiêu hao nhiều năng lượng nhằm giảm chi phí sản xuất và bảo vệ môi trường. Quan tâm, ưu tiên phân bổ nguồn lực hỗ trợ cho nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở công nghiệp nông thôn có tiềm năng để tiến hành đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị và ứng dụng đổi mới công nghệ, giúp các đơn vị này đủ điều kiện từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng công nghiệp hỗ trợ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị và chuyển đổi số, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến (ISO, Lean, 5S, HACCP...), ứng dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp, quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc, tự động hóa và từng bước xây dựng mô hình nhà máy thông minh, nhà máy xanh, đáp ứng yêu cầu của chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hỗ trợ, thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng kỹ thuật, quản trị sản xuất, quản trị chuỗi cung ứng. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và cơ sở nghiên cứu để xây dựng chương trình đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn.

- Phát triển đội ngũ chuyên gia, tổ chức tư vấn và tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về công nghiệp hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực.

4. Tháo gỡ điểm nghẽn hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất sạch và bảo vệ môi trường

- Đẩy nhanh tiến độ bồi thường và giải phóng mặt bằng: Huy động sự vào cuộc quyết liệt của hệ thống chính trị địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động và thực hiện giải phóng mặt bằng. Ưu tiên tháo gỡ dứt điểm các vướng mắc về mặt bằng tại các dự án khu, cụm công nghiệp trọng điểm (Khu kinh tế Đông Nam, Khu công nghiệp Quảng Trị, Cụm công nghiệp Cam Thành, Diên Sanh...), đảm bảo tạo lập quỹ đất sạch để bàn giao đúng tiến độ cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

- Tổ chức khảo sát, lập quy hoạch các phân khu dịch vụ logistics và kho bãi vệ tinh dọc theo hành lang các trục giao thông quốc gia (Cao tốc Bắc - Nam, Đường sắt tốc độ cao...) đi qua địa bàn các xã giáp ranh Khu công nghiệp, Khu kinh tế. Từ đó, hình thành các bến bãi, trạm trung chuyển, cơ sở đóng gói cầu kiện phụ trợ nhằm đáp ứng tốc độ phát triển logistics của tỉnh.

5. Điều tra năng lực sản xuất và số hóa hệ thống cơ sở dữ liệu CNHT

- Tổ chức khảo sát, rà soát, đánh giá năng lực sản xuất của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; trong đó chú trọng rà soát nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở công nghiệp nông thôn có tiềm năng; xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ của tỉnh, trong đó có thông tin về năng lực sản xuất, máy móc, tiêu chuẩn, sản lượng và nhu cầu kết nối. Thường xuyên cập nhật thông tin về ngành nghề, sản phẩm, năng lực sản xuất, nhu cầu hỗ trợ và khả năng tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.

- Kết nối cơ sở dữ liệu doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của tỉnh với hệ thống thông tin của Bộ Công Thương và các tổ chức xúc tiến đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá và thu hút đầu tư.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối tượng, thời gian thực hiện

- **Đơn vị chủ trì:** Sở Công Thương và các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu, đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung thuộc Chương trình, được tiếp nhận kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung theo quy định.

- **Đơn vị thụ hưởng:** các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đang sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục

sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung; và các doanh nghiệp có tiềm năng trở thành nhà cung ứng linh kiện, phụ tùng, nguyên vật liệu, dịch vụ kỹ thuật cho các ngành công nghiệp trên địa bàn.

- **Thời gian thực hiện:** Giai đoạn 2026-2035.

2. Kinh phí thực hiện

- Từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ hằng năm từ ngân sách trung ương.

- Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Kinh phí xã hội hóa của các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Phân công thực hiện

3.1. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; lồng ghép các mục tiêu, nội dung của Chương trình với các nhiệm vụ khác có liên quan.

- Giám sát, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hằng năm; kịp thời đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo theo quy định.

- Hướng dẫn thủ tục, tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (CNHT) thuộc Danh mục ưu tiên phát triển.

- Hằng năm, Sở Công Thương chủ trì rà soát nhu cầu, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; tiếp nhận đề xuất của các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp; tổ chức đánh giá, lựa chọn doanh nghiệp, nhiệm vụ được hỗ trợ trên cơ sở tiêu chí về năng lực sản xuất, khả năng trở thành nhà cung ứng, mức độ sẵn sàng đổi mới công nghệ và sản phẩm đầu ra cụ thể; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo phân cấp; tổ chức kiểm tra, nghiệm thu và tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh.

3.2. Các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND các xã, phường, đặc khu:

Căn cứ các nội dung và nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép vào các kế hoạch của ngành, địa phương để triển khai thực hiện theo quy định. Cụ thể:

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương xem xét, cân đối và huy động các nguồn lực; cân đối, bố trí vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ; đánh giá trình độ, năng lực công nghệ; áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp. Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, tự động hóa, sản xuất thông minh; kết nối cung cầu công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu phục vụ phát triển sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Sở Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kỹ thuật, quản trị sản xuất. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và cơ sở nghiên cứu để xây dựng chương trình đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn.

- Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì thực hiện xúc tiến, thu hút có chọn lọc các dự án FDI quy mô vừa, công nghệ tiên tiến làm hạt nhân dẫn dắt vào các Khu kinh tế, Khu công nghiệp trọng điểm (Khu kinh tế Đông Nam, Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá, Khu công nghiệp Bô Trách). Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên trong lĩnh vực đầu tư công nghiệp hỗ trợ vào KCN, KKT. Hỗ trợ các doanh nghiệp trong KCN, KKT tiếp cận với các chính sách ưu đãi.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đối với các dự án công nghiệp theo quy định của pháp luật đất đai; đồng thời hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các dự án công nghiệp, cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

- Sở Xây dựng tổ chức thực hiện việc quản lý quy hoạch, giám sát chất lượng hạ tầng kỹ thuật và nâng cấp hệ thống giao thông kết nối tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.

- UBND các xã, phường, đặc khu phối hợp thu thập, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Phối hợp hướng dẫn thủ tục, tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (CNHT) thuộc Danh mục ưu tiên phát triển. Phối hợp thực hiện công tác quản lý quy hoạch, bồi thường giải phóng mặt bằng quỹ đất công nghiệp; làm chủ đầu tư các dự án hạ tầng cụm công nghiệp theo phân cấp và giải quyết các thủ tục hành chính tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn.

Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Công Thương để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Công Thương theo quy định.

Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý./.

PHỤ LỤC**DANH MỤC NHIỆM VỤ, CÔNG VIỆC CỤ THỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2026 - 2035***(Kèm theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

TT	TÊN NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN (dự án, nhiệm vụ)	KẾT QUẢ	CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
1	Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận chính sách, chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ					
1.1	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ theo từng năm	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
1.2	Hướng dẫn thủ tục, tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (CNHT) thuộc Danh mục ưu tiên phát triển.	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành và địa phương	Thường xuyên	Giấy xác nhận ưu đãi; Văn bản hướng dẫn	Sở Công Thương
1.3	Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến chính sách ưu đãi về CNHT.	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành và địa phương	Năm 2027	Lớp tập huấn	Sở Công Thương
1.4	Hỗ trợ các doanh nghiệp trong KCN, KKT tiếp cận với các chính sách ưu đãi	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các sở, ban ngành và địa phương	Thường xuyên	Báo cáo	Ban Quản lý Khu kinh tế
2	Xúc tiến đầu tư, kết nối cung cầu và mở rộng thị trường tiêu thụ					
2.1	Tổ chức các hội nghị, diễn đàn kết nối giao thương (B2B) hàng năm nhằm đưa doanh nghiệp nội tỉnh kết nối, tham gia trực tiếp vào	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành và địa phương	Hàng năm	Hội nghị/Biên bản ghi nhớ	UBND tỉnh

	chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia, doanh nghiệp FDI và nhà máy lắp ráp lớn.					
2.2	Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm chuyên ngành trong nước và quốc tế để quảng bá sản phẩm, tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA) nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu.	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành và địa phương	Hàng năm	Báo cáo	UBND tỉnh
2.3	Xúc tiến, thu hút có chọn lọc các dự án FDI quy mô vừa, công nghệ tiên tiến làm hạt nhân dẫn dắt vào các KKT, KCN trọng điểm: Khu CN Quảng Trị, Khu kinh tế Đông Nam, KCN Tây Bắc Hồ Xá, KCN Bồ Trạch.	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các sở, ban ngành và địa phương	Hàng năm	Báo cáo/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	UBND tỉnh
2.4	Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên trong lĩnh vực đầu tư công nghiệp hỗ trợ vào KCN, KKT	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các sở, ban ngành và địa phương	Hàng năm	Báo cáo Danh mục dự án ưu tiên	UBND tỉnh
3	Nâng cao năng lực công nghệ, quản trị, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật cao					
3.1	Lồng ghép nguồn kinh phí khuyến công và khoa học và công nghệ để hỗ trợ doanh nghiệp mua sắm máy móc thiết bị tiên tiến, dây chuyền sản xuất có hiệu suất năng lượng cao, từng bước loại bỏ thiết bị lạc hậu. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ xanh, giảm ô nhiễm môi trường.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Hàng năm	Báo cáo	UBND tỉnh
3.2	Hỗ trợ tư vấn, cấp chứng nhận cho các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO, 5S, Lean, HACCP...) để đáp ứng yêu cầu của đối tác đầu chuỗi.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, các doanh nghiệp CNHT	Hàng năm	Báo cáo	UBND tỉnh
3.3	Hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kỹ thuật, quản trị sản xuất; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành và địa phương	Giai đoạn 2026-2035	Báo cáo	UBND tỉnh

	cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và cơ sở nghiên cứu nhằm xây dựng chương trình đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn.					
3.4.	Tăng cường tích hợp giáo dục STEM/STEAM trong trường phổ thông nhằm khơi dậy tư duy khoa học, sáng tạo kỹ thuật sớm cho học sinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành và địa phương	Hàng năm	Cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật học sinh trung học cấp tỉnh.	UBND tỉnh
3.5	Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp về công nghiệp hỗ trợ, đổi mới công nghệ và chuyển đổi số.	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành và địa phương	Giai đoạn 2026-2035	Các lớp tập huấn	Sở Công Thương
3.6	Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm quản trị doanh nghiệp (ERP), phần mềm kế toán, quản lý kho bãi, và hệ thống truy xuất nguồn gốc vào toàn bộ quy trình sản xuất kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương và các sở, ngành liên quan	Hàng năm	Báo cáo	UBND tỉnh
3.7	Khuyến khích, hướng dẫn và từng bước hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng tự động hóa, xây dựng các mô hình sản xuất thông minh, nhà máy xanh sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với quy mô địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành và địa phương	Hàng năm	Báo cáo	UBND tỉnh
4	Tháo gỡ điểm nghẽn hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất sạch và bảo vệ môi trường					
4.1	Tập trung chỉ đạo, phối hợp thực hiện quyết liệt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và quản lý chặt chẽ quỹ đất công nghiệp trên địa bàn	UBND các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Báo cáo	UBND các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh
4.2	Khảo sát, lập quy hoạch phân khu dịch vụ logistics và kho bãi vệ tinh dọc hành lang các trục giao thông quốc gia phục vụ các Khu công nghiệp, Khu kinh tế.	Sở Xây dựng	Các sở, ban ngành và địa phương	Giai đoạn 2026-2035	Quyết định/Báo cáo	UBND tỉnh

4.3	Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đối với các dự án công nghiệp theo quy định của pháp luật đất đai; đồng thời hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các dự án công nghiệp, cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban ngành và địa phương	Thường xuyên	Báo cáo	UBND tỉnh
5	Điều tra năng lực sản xuất và số hóa hệ thống cơ sở dữ liệu CNHT					
5.1	Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin để đánh giá, phân loại và số hóa năng lực sản xuất thực tế của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất CNHT trên toàn tỉnh.	Sở Công Thương	UBND các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh	Năm 2027	Hệ thống cơ sở dữ liệu	UBND tỉnh
5.2	Xây dựng, duy trì, cập nhật và vận hành cơ sở dữ liệu CNHT hằng năm. Hệ thống cơ sở dữ liệu trực tuyến về doanh nghiệp CNHT nhằm minh bạch thông tin, quảng bá năng lực sản xuất của địa phương.	Sở Công Thương	UBND các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên	Hệ thống cơ sở dữ liệu	UBND tỉnh
5.3	Kết nối đồng bộ cơ sở dữ liệu CNHT của tỉnh với hệ thống thông tin của Bộ Công Thương và các tổ chức xúc tiến đầu tư quốc gia để tạo cầu nối hiệu quả phục vụ xúc tiến đầu tư và kết nối cung - cầu.	Sở Công Thương	UBND các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên	Hệ thống cơ sở dữ liệu	UBND tỉnh